

TÍN NGƯỠNG THỜ TÁO QUÂN Ở VIỆT NAM TỪ GÓC ĐỘ KHẢO SÁT THƯ TỊCH HỌC

*Chu Húc Cường**

Táo Quân là một đối tượng tín ngưỡng cơ bản trong văn hoá Phương Đông, nhưng lại không phải đối tượng quan trọng nhất, nghi thức thờ Táo Quân đơn giản, mà nguồn gốc lại phức tạp. Nói Táo Quân là đối tượng tín ngưỡng cơ bản, vì có nhà là tất phải có bếp, có bếp là có thờ cúng Táo Quân. Bếp là tượng trưng cho gia đình, có câu “lánh khởi lô táo” (lập bếp riêng) cũng có nghĩa là tách ra ở riêng, chỉ việc phân chia và tăng thêm gia đình; “đào táo” (lật bếp) cũng có nghĩa là chỉ việc suy bại của một nhà hoặc một nước¹. Còn nói Táo Quân không phải là thần linh quan trọng nhất, chủ yếu là chỉ trong phạm vi bao phủ của văn hoá Hán, đặc biệt là trong cộng đồng coi mình là Hán tộc, thái độ của cộng đồng ấy đối với Táo Quân, chúng ta có thể hình dung qua một đoạn ghi chép về Táo Quân trong *Lễ ký* 禮記 chương *Tế pháp* 祭法 như sau: “tiểu thần ở giữa nhân gian, quan sát lỗi của người mà báo cáo”. Tuy vậy, sử liệu cũng hé lộ rằng, vào thời xa xưa, Táo Quân cũng là một vị thần quan trọng, chẳng hạn trong sách *Luận hăng* 論衡 của Vương Sung đời Hán, chương *Tế ý* 祭意 chép: Viêm đế làm ra lửa, khi chết thành táo (ông đầu rau), sách *Lễ ký* 禮記 chương *Nguyệt lệnh* 月令, sách *Lã thị Xuân Thu* 呂氏春秋 hay sách *Thuyết văn giải tự* 說文解字 đều ghi thần Chúc Dung “được thờ làm Táo Quân”. Có thể thấy,

* TS, Trường Đại học Sư phạm Thượng Hải (Trung Quốc). (Người dịch: TS. Nguyễn Đại Cồ Việt, Trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội)

1. “Đào táo” (lật bếp) mang nghĩa “suy bại”, có thể thấy trong *Từ điển Hán ngữ Hiện đại* 現代漢語詞典, hoặc trong *Giải thích từ vựng phương ngôn Quan Trung* 關中方言詞語彙釋, Cảnh Nhĩ Cường chủ biên, Thiêm Tây nhân dân xuất bản xã, 2000, tr. 67. Một nghĩa khác là “rủi ro, không may, vận đen” thì dùng phổ biến hơn.

vào thời thượng cổ, Táo Quân và Thần Lửa là một, tức là một vị thần lớn. Có câu “Thiên phi hoá bất minh, nhân phi hoá bất sinh, vật phi hoá bất thành” (Nghĩa là: Trời không có lửa thì không sáng, người không có lửa thì không sinh sôi, vật không có lửa thì không thành”)¹. Hơn nữa, dựa vào điều đó cũng có thể thấy, nguyên khởi của tín ngưỡng Táo Quân là ở sự phân biệt giữa ăn chín và ăn sống, giữa văn minh và dã man, là kết quả phát triển từ tín ngưỡng thờ Lửa. Ở vào thời nguyên thủy, thần Táo có vai trò cực kỳ quan trọng, điều này hoàn toàn rõ ràng, song sau này trung tâm của văn hoá Hán đã có sự thay đổi. Nhìn từ góc độ truyền bá văn hoá, dấu tích sự biến thiên theo thời gian của văn hoá, thông thường được phản ánh trong sự khác biệt về địa lý, chính vì vậy mà cổ nhân mới có câu: “Lễ thất, cầu chư dã” (Nghĩa là: Lễ bị mất, thì tìm nó ở chốn dân gian.) Điều này phần nào được thể hiện ở việc các vùng dân tộc nói các ngôn ngữ Đông Thái, Tạng Miến, Nam Á ở Tây Nam vẫn bảo lưu tín ngưỡng Hoả Đường 火塘, được coi là một tín ngưỡng quan trọng của họ².

1. Về các văn bản chữ Hán ghi chép truyền thuyết về Táo Quân ở Việt Nam

Việt Nam chịu ảnh hưởng văn hoá Hán sâu đậm, tín ngưỡng thờ Táo Quân cũng thừa kế những đặc điểm của nó trong văn hoá Hán, nên cũng mang tính hai mặt. Táo Quân một mặt được tôn là một vị thần quan trọng, được gọi bằng Thổ công, tôn xưng là “tán hoá chi nguyên huân, nhân gia chi chủ tể”, hay gọi là “đệ nhất gia chi chủ”, nhưng mặt khác, sự tích về Táo Quân lại không hề được đưa vào trong cuốn *Ngọc phả thần tích*- cuốn sách về tín ngưỡng thần linh tương đối hoàn chỉnh và hệ thống về các vị thần của Việt Nam, được biên soạn bởi giới trí thức tinh anh, có sự bảo trợ của triều đình. Sự tích về Táo Quân chỉ được truyền khẩu trong dân gian. Hiện nay, vẫn có thể sưu tầm được khá phong phú những câu truyện truyền khẩu liên quan đến sự tích Táo Quân. Bản thân người viết đã từng đọc những tài liệu chữ Hán viết về sự tích Táo Quân của Việt Nam, là những tài liệu dịch hoặc viết trực tiếp bằng chữ Hán, bao gồm:

1. *Kê chính Táo thần kinh văn* 灶正灶神經文, Bản in đời Thành Thái (1906), do Đền Ngọc Sơn ấn hành, phụ kèm bài tựa của Từ Đồng chân quân, Thư viện Quốc gia Việt Nam, ký hiệu R.3949.
2. *Táo dữ Táo thần* 灶與灶神, Dương Phúc Tuyền, Học Uyển xuất bản xã, 1994, tr.2.

- Quách Vĩ biên soạn, *Việt Nam truyền thuyết cổ sự dữ dân tục phong tình* 越南傳說故事與民俗風情 (Truyện truyền thuyết và phong tục Việt Nam), trong đó ghi lại 3 câu chuyện do du học sinh Việt Nam kể, là *Tam cước táo* 三腳灶 (bếp ba chân) do Nguyễn Đức Thành kể, *Táo Quân thượng thiên* 灶君上天 (Táo Quân lên trời) do Nguyễn Đức Bình kể, và *Táo vương nãi nãi* 灶王奶奶 (Bà Táo) do Nguyễn Phan Nhã Hương kể.

- La Trường Sơn, *Việt Nam truyền thống văn hoá dữ dân gian văn học* 越南傳統文化與民間文學 (Truyền thống văn hoá và văn học dân gian Việt Nam), trong sách này tác giả dành riêng một phần viết về tín ngưỡng Táo Quân, ở đây chủ yếu là chi tín ngưỡng thờ cúng Táo Quân của người Kinh, trong đó có dẫn truyền thuyết Trọng Cao, Thị Nhi (侍儿) và Phạm Lang.

- Bài viết *Hán tộc, Việt tộc dân gian Táo Quân tín ngưỡng chi ti giáo nghiên cứu* 漢族、越族民間灶神信仰之比較研究 của Từ Phương Vũ là bài nghiên cứu cho đến nay là duy nhất về tín ngưỡng Táo Quân ở Việt Nam. Trong bài viết này tác giả cũng dẫn ra một câu chuyện giống với câu chuyện trong sách của La Trường Sơn, chỉ có điều tên nhân vật Thị Nhi được viết là 氏儿 chứ không phải là 侍儿. Ngoài ra bài viết cũng dẫn lại một dị bản khác của câu chuyện, với phân kết hơi khác¹.

Câu chuyện về Trọng Cao, Thị Nhi và Phạm Lang là để giải thích hiện tượng tam vị nhất thể trong tín ngưỡng Táo Quân Việt Nam. Bài vị các thần lần lượt ghi là: “Bản gia Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân”, “Bản gia Thổ địa long mạch tôn thần” và “Bản gia Ngũ phương ngũ thổ phúc đức chính thần”, trong đó có hai vị là nam thần và một vị nữ thần, bài vị của nữ thần bày ở giữa, bài vị của hai nam thần bày hai bên tả hữu, có khác với cách thờ cúng của người Hán. Câu chuyện này như sau:

Thị Nhi vốn là vợ của Trọng Cao, ban đầu sống với nhau hạnh phúc, sau đó Thị Nhi bị Trọng Cao ruồng rẫy, mới kết duyên cùng Phạm Lang. Hai vợ chồng Thị Nhi và Phạm Lang có cuộc sống càng ngày càng sung túc. Trọng Cao thì phá tán tài sản trở thành ăn mày. Trong một lần Trọng Cao đi ăn mày gặp lại Thị Nhi, hai vợ chồng nhận ra nhau. Nhưng vì những sự hiểu lầm hoặc do sợ ý mà ba người Trọng Cao, Thị Nhi và Phạm Lang lần lượt bị chôn trong biển lửa, sau đều được phong làm thần bếp, tức Táo Quân. Đại ý là như vậy, nhưng tình tiết cụ thể thì giữa các truyện có đôi chút du di. Có

1. Từ Phương Vũ: *Hán tộc, Việt tộc dân gian Táo thần tín ngưỡng chi ti giáo nghiên cứu* 漢族、越族民間灶神信仰之比較研究, *Tic Đông Nam Á nghiên cứu*, số 3, 2006.

truyện kể là, để tránh Phạm Lang hiểu lầm, Thị Nhi giấu Trọng Cao trong đống rơm, không ngờ Phạm Lang vừa về nhà không hay việc ấy, đốt đống rơm làm chết Trọng Cao, Thị Nhi hối hận bèn nhảy vào lửa tự sát theo chồng trước. Phạm Lang thương tiếc vợ, cũng theo vợ mà lao mình vào biển lửa. Có truyện kể là, Phạm Lang thấy Thị Nhi gặp lại chồng cũ liền sinh lòng nghi kỵ, Thị Nhi bèn tự thiêu để tỏ lòng trinh, hai người chồng thấy vậy cũng trước sau lao vào lửa tự sát theo vợ.

Câu truyện *Táo Quân thượng thiên* 灶君上天 (Táo Quân lên trời) của Nguyễn Đức Bình có tình tiết giống như vậy.

Từ Phương Vũ trên cơ sở khảo sát tình hình thờ cúng Táo Quân ở Việt Nam, tham khảo thành quả nghiên cứu của các tác giả Việt Nam, đặt trọng tâm khảo sát câu chuyện Táo Quân và vấn đề xưng hiệu, cách thức cúng tế Táo Quân của người Kinh, đã chỉ ra rằng, tín ngưỡng Táo Quân ở Việt Nam là sự kết hợp giữa văn hoá tín ngưỡng Hoà Đường và văn hoá Hán, quá trình kết hợp là quá trình sàng lọc chủ động, chọn lựa và tái tạo. Kết luận của bài viết là đáng tin cậy, song do hạn chế về mặt tư liệu nên ở một vài chi tiết có chỗ cần bổ sung hoặc thảo luận thêm. Từ Phương Vũ cho rằng, câu chuyện này là dấu vết còn lại của tín ngưỡng Hoà Đường và bếp ba chân. Suy luận như vậy là hợp lý, vì người Việt sớm đã có nhận thức về lửa, “hoả, dương minh khí dã, táo chi chất dã” (lửa, là khí dương minh, là bản chất của bếp)¹. Song việc phân biệt rạch ròi sự khác nhau giữa tín ngưỡng Táo Quân của Việt Nam và Trung Quốc, thì e rằng có chỗ chưa thoả đáng.

Câu chuyện *Tam cước táo* 三腳灶 (Bếp ba chân) của Hoàng Đức Thành có nhiều tình tiết khác, song cũng kể về mối quan hệ nhân duyên phức tạp giữa hai nam và một nữ, và kết cục cả ba đều chết. Câu chuyện như sau: Con trai của một thầy địa lý khi chôn bố tình cờ tìm được một báu vật, nhờ thế mà có được một người vợ xinh đẹp. Người vợ xinh đẹp sau đó bị nhà vua bắt vào cung, người con của thầy địa lý liền bày kế đốt chết nhà vua, người vợ từ xa nhìn thấy, lại tưởng chồng mình bị nhà vua đốt chết, liền nhảy vào lửa tự thiêu, người chồng thấy vậy cũng nhảy theo. Cả ba người chôn thân trong biển lửa. Có điểm thú vị là, hai tình tiết quan trọng trong truyện có thể tìm thấy trong *Sưu thần ký* 搜神記- sách viết đời nhà Tấn, do Chí Thánh, Can Bảo soạn, tình tiết thứ nhất (mắt vợ tay vua) cùng một loại

1. *Kê chính Táo thần kinh văn* 灶正灶神經文, Bản in đời Thành Thái (1906), do Đền Ngọc Sơn ấn hành, phụ kèm bài tựa của Từ Đồng chân quân, Thư viện Quốc gia Việt Nam, ký hiệu R.3949.

với truyện *Hàn Bằng thê* 韓憑妻, tình tiết thứ hai (ba người chết chung một chỗ) tương tự như truyện *Tam vương mộ* 三王墓. Hoàng Đức Thành kể đoạn kết của câu chuyện như sau:

“Sau khi lửa tắt, các đại thần bàn việc lập từ đường cúng tế cho nhà vua, nhưng không cách nào phân biệt đâu là đầu của vua, bèn lập một từ đường cúng cho cả ba người. Sau đó ban lệnh, từ nay về sau khi nào đốt lửa đều phải dùng ba viên đá đặt ở ba góc, tượng trưng cho ba cái đầu người. Đây chính là nguồn gốc của bếp ba chân và Táo Quân, truyền thuyết này còn truyền đến ngày nay.”

Điều này gợi ý rằng, câu chuyện *Tam vương mộ* 三王墓 có hàm chứa những yếu tố tín ngưỡng dân gian. Hơn nữa, câu chuyện này ít nhất có liên quan đến tập tục hoá táng và mộ tập thể, trong bài viết này tạm chưa đề cập đến.

Trong luận văn của mình, Từ Phương Vũ đã dẫn lại ý kiến của học giả Việt Nam, theo đó, tín ngưỡng ba vị Táo Quân phổ biến khắp vùng Đông Nam Á, chẳng hạn, trong cuốn *Các tiết truyền thống của người Việt* do Lê Trung Vũ chủ biên, có chép lại sáu câu truyện, trong đó có truyện của người Hán, và của Ấn Độ, và có ghi chú rằng, ở các vùng An Huy, Sơn Đông cũng có truyền thuyết *Trương lang hưu Đinh Hương* 張郎休丁香 (Trương lang ruồng vợ Đinh Hương). Đúng là trên thực tế, câu truyện truyền thuyết này lưu truyền khá rộng. Truyện này được biên lục trong cuốn sách *Trung Quốc dân gian cổ sự loại hình sách dẫn* 中国民间故事类型索引 (Sách dẫn các loại hình truyện dân gian Trung Quốc) xuất bản năm 1978, do học giả người Mỹ gốc Hoa Đinh Nãi Thông biên soạn. Trong cuốn sách này, truyện có ký hiệu AT841A*, tên là *Khất cái bất tri hữu hoàng kim* 乞丐不知有黄金 (kẻ ăn mày không biết [mình] có vàng), liệt kê 25 dị bản khác nhau của các vùng ở Trung Quốc, trong đó có cả những dị bản là kịch. Một số truyện còn chỉ rõ ra là, sau khi chết, Trương lang biến thành Táo vương. Đinh Nãi Thông có ghi chú rằng, “đây rõ ràng là cách nói của dân gian, khác với thần thoại Táo Quân trong văn học truyền thống”¹. Điểm khác biệt với câu chuyện của người Kinh là ở chỗ, một vài dị bản do những lý do nhất định, chẳng hạn hoàn cảnh kể truyện, mục đích hoặc các lý do phức tạp khác trong quá trình truyền bá, mà kết cục mang tính tôn giáo đã bị rơi rụng mất, câu chuyện chỉ

1. *Trung Quốc dân gian cổ sự loại hình sách dẫn* 中国民间故事类型索引 (bản dịch), Đinh Nãi Thông biên, Hoa Trung Sư phạm đại học xuất bản xã, 2008, tr.171-172.

kể đến việc chôn chung mà không ghi thêm về việc xác lập Táo Quân hay tín ngưỡng thờ thần Bếp, do đó nó chỉ còn là một câu truyện truyền thuyết đơn thuần, giống như trường hợp *Tam vương mộ* 三王墓 trong *Sưu thần ký* 搜神記 vậy. Ngoài ra, ngay cả khi truyện truyền thuyết dân gian AT841A* có bảo lưu được tính chất tôn giáo của nó, dường như không nói rõ được ý niệm “tam vị nhất thể”, dù trong khu vực người Hán, Táo Quân cũng gồm ba vị, có điều gồm một nam hai nữ chứ không phải một nữ hai nam, người nam ở giữa, hai nữ ở hai bên tả hữu. Trong sách vở kinh điển Hán văn, giới tính của Táo Quân cũng có nhiều thay đổi, mà không có manh mối đơn giản dễ lần theo¹.

Về tính chất phức tạp của tín ngưỡng thờ thần Bếp trong khu vực người Hán, người viết đã đề cập đến trước đây. Chỉ riêng tín niệm, Táo Quân là người lên trời để báo cáo những chuyện xảy ra trong gia đình, đã là quá trình kết hợp giữa “Đông Trù” và “Tur mệnh”. Về vấn đề này người viết đã từng viết như sau: “Táo quân là sự kết hợp giữa Đông Trù và Tur mệnh mà thành, quá trình biến đổi này khá phức tạp quanh co. Một mặt, Táo Quân vốn từ nữ thần biến thành nam thần, rồi lại từ nam thần biến thành có cả nam cả nữ, từ thần lửa tối cao của thị tộc, biến thành Thiên đế, thành hoá thân, biến thành một tiểu thần ở hoàng cung, rồi biến thành vị thần trong gia đình thứ dân. Mặt khác, thần “Tur mệnh” nguyên là thiên thần, biến thành thiên thần quý tộc, cùng với việc biến thành một vị sao trên trời, lại bị giáng xuống thành tiểu thần ở trong cung, sau đó hợp nhất với Táo quân mà biến thành Táo Quân Tur mệnh. Sau khi hợp nhất, đã từng vô số lần thay tên đổi họ, lên lên xuống xuống, mới biến thành hình dạng như ngày nay. Quá trình biến đổi quanh co phức tạp này thì chưa một vị thần nguyên thủy nào sánh được”².

Quá trình biến đổi phức tạp đó, phần nào được bảo lưu trong hình tượng Táo Quân ở Việt Nam.³ Danh xưng ba vị Táo Quân ở Việt Nam có

-
1. “Táo Quân ngồi ở giữa, hai phu nhân ngồi hai bên tả hữu”, cách bày đặt như thế này có thể thấy trong cách bày vàng mã ở các vùng Sơn Đông, Vân Nam. Xin xem *Táo dữ Táo thần* 灶與灶神, tr. 129, 131-132, 139.
 2. Đường Mẫn, Táo Quân tư mệnh khảo 灶君司命考, in trong *Thần thoại – Tiên thoại – Phật thoại*, Hà Bắc nhân dân xuất bản xã, 1986, tr.72.
 3. Bài viết của Từ Phương Vũ cho rằng, người Kinh không có việc hồi lộ Táo Quân, nhưng trong sách *Việt Nam truyền thuyết cổ sự dữ dân tục phong tình* 越南傳說故事與民俗風情 do Quách Vĩ biên soạn, trong đó có đoạn lược thuật các nghi thức cúng Táo Quân của người Việt, có nói đồ cúng gồm kẹo mạch nha, chè lam, để dính miệng Táo Quân. (tr. 35)

chữ “bản gia”, tức là gia đình nào cũng sẽ có Táo Quân của gia đình ấy, đây là nơi theo quan niệm của Đạo giáo. “Đạo gia mỗi họ đều thờ Táo quân, Táo do người tổ tiên có đức của dòng họ đảm nhiệm, quan sát sự thiện ác của con cháu, nên tục vẫn thường gọi Táo quân là ‘bản gia tư mệnh’”¹. Điều này cho thấy, đối với người Hán, người Việt, Táo Quân có xu hướng được cá tính hoá theo đơn vị là gia đình hoặc gia tộc, không thể chung chung. Điều này có phần giống với hiện tượng tín ngưỡng “bản thân hồ tiên” của người Hán ở phương Bắc, mỗi một người tôn sùng một hồ tiên không giống với người khác². Dân tộc Kinh còn có một vị Táo Quân, gọi là “Định phúc Táo Quân”³. Truyện *Táo vương nãi nãi* 灶王奶奶 (Bà Táo) do Nguyễn Phan Nhã Hương kể mà chúng tôi đã nhắc đến bên trên, có nội dung gần gũi với truyện *Tế Táo, thủ tuế đích lai lịch* 祭灶、守歲的來歷 (Lai lịch thờ Táo Quân, thủ tuế)⁴.

Ngoài những văn bản truyền thuyết vừa kể trên, vài năm trở lại đây, người viết nghiên cứu các thư tịch xưa viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm của Việt Nam, tìm được ba truyện nữa liên quan đến tín ngưỡng Táo Quân. Ba truyện này đều được ghi chép trong *Công dư tiệp ký* 公餘捷記 của Vũ Phương Đề (thế kỷ XVIII, đời Lê). Cuốn *Công dư tiệp ký* 公餘捷記 có địa vị khá cao trong các truyện ký cổ đại của Việt Nam, chỉ xếp sau *Việt Điện u linh* 越甸幽靈 và *Lĩnh Nam trích quái* 嶺南摭怪. Các sách truyện ký 200 năm sau đều chịu ảnh hưởng từ *Công dư tiệp ký* 公餘捷記, do vậy hai câu truyện truyền thuyết trong đó cũng được chép ở các sách khác nữa.

Chi tiết này giống với nhiều nơi ở Trung Quốc. Hoặc trong bài báo *Kinh tộc dân gian tín ngưỡng dữ thần phả sơ lục* 京族民間信仰與神譜初錄 của Quá Vĩ và Vi Kiên Bình, cũng viết: “Người Kinh xem Táo Quân như vị thần giám sát các việc trong gia đình, mỗi năm phải lên trời báo một lần những chuyện phải trái dưới trần gian. Người Kinh cúng Táo, đa phần cúng ở gian bếp, nhưng cũng có người cúng ở nhà trên. Ngày 23 tháng Chạp, lấy cái sàng để đựng đồ cúng, đồ cúng phải có cháo nếp đường, để Táo Quân chỉ tâu những lời ngọt, mà những sự xấu thì rơi hết đi. Đến ngày 30 lại đón Táo về nhà. Việc cúng tế Táo Quân như vậy, rõ ràng là chịu ảnh hưởng của văn hoá Hán, nhưng việc dùng sàng đựng đồ cúng, đồ cúng có cháo nếp đường, thì là những đặc trưng của dân tộc và địa phương.”

1. *Đạo giáo đại từ điển* 道教大辭典, Lý Thúc Hoàn biên, Đài Loan Cự Lưu đồ thư công ti, 1979, tr.500.
2. *Hồ li tín ngưỡng chi mê* 狐狸信仰之謎, Sơn Dân biên soạn, Học Uyên xuất bản xã, 1994, tr.4.
3. La Trường Sơn và Từ Phương Vũ đều đề cập đến điều này.
4. *Trung Quốc dân tục truyền thuyết cổ sự*, 中國民俗傳說故事 Cát Tinh biên, Trung Quốc dân gian văn nghệ xuất bản xã, 1988, tr. 219-220.

Một truyện là *Cường bạo đại vương ký* 強暴大王記, cũng được thấy ở các sách *Việt Điện u linh* 越甸幽靈 VHv.1523, *Việt tuyển giai đàm tiền biên* 越雋佳談前編, *Thần thánh hiển linh lục* 神怪顯靈錄, *Nam thiên trân dị tập* 南天珍異集, truyện thứ 37 trong *Việt Nam thần thoại dân gian cổ sự tuyển* 越南神話民間故事選 - sách Việt Nam đương đại xuất bản bằng tiếng Hán, cũng kể cùng một câu truyện¹. Nội dung câu truyện lược thuật như sau: xưa có người tính nết cường bạo, ngang ngược, bất kính với cha mẹ, không chịu thờ Trời, chỉ duy tôn kính Táo Quân, có được cái gì đều cúng dâng Táo Quân trước rồi mới ăn. Sự bạo ngược của y kinh động lên đến trời. Trời nhiều lần sai thần Sấm, thần Nước gây thiên tai hoạ hại để trừng phạt, nhưng nhờ được Táo Quân mách nước từ trước nên đều tránh được, không những thế còn vài lần thắng cả Trời. Sau trong một lần sơ ý, được một con tôm, nhưng quên không cúng Táo mà ăn trước, Táo Quân rất tức giận. Gặp khi Trời lại đánh hấn, Táo dạy cho kẻ giả, người ấy phải chết. Chết rồi linh hiển, người đời sau lập miếu thờ để cầu bình an, phong làm Cường bạo Đại vương.

Rõ ràng câu chuyện này, được chuyển hoá từ những ghi chép về nguồn gốc và sự tích các thần được ghi trong sách thần tích ngọc phả mà ra. Trong câu truyện truyền thuyết này, việc Cường bạo đại vương chỉ thờ thần Táo mà nhiều lần linh nghiệm, phản ánh trước khi tín ngưỡng thờ Trời (Thiên Đế) được xác lập, trước khi các thiết chế chính trị và đạo đức của đời sau được xác lập, Táo Quân rất có thể là một vị thần chúa tể, mà Cường bạo đại vương là hầu duệ của tín ngưỡng cổ đó, thể hiện ở việc Cường bạo đại vương không thờ Trời, không tuân theo các thiết chế luân lý đạo đức đến từ phương Bắc. Do đó, truyền thuyết này có thể coi là phản ánh thời điểm chuyển đổi giữa hai hệ thống tín ngưỡng, mà chưa chắc đã xác định được niên đại, Cường bạo đại vương chống lại Trời, chính là phản ánh sự xung đột giữa tín ngưỡng thờ Táo Quân và tín ngưỡng thờ Thiên Đế (Trời), và sự thất bại của tín ngưỡng thờ Táo Quân.

Truyện thứ hai là *Từ Trâm Trâu Canh ký* 紫沉鄒庚記, cũng thấy trong các sách *Việt Điện u linh* 越甸幽靈, *Nam thiên trân dị tập* 南天珍異集, *Việt tuyển giai đàm tiền biên* 越雋佳談前編, *Thần thánh hiển linh lục* 神怪顯靈錄, *Nam sử tư ký* 南史私記, *Lịch đại danh thần sự trạng* 歷代名臣事狀. Chuyện kể rằng, thời vua Trần Dụ Tông, có một người nghèo tên là Trâu Canh 鄒庚, sống cùng với mẹ. Một lần do có ơn với một thầy địa lý, được người này giúp đem hài cốt của cha đặt vào huyệt tốt.

1. "Tuyển chọn thần thoại dân gian Việt Nam", Nhà xuất bản Thế giới, 1997, tr. 154-159.

Trong một lần đánh cá, Trâu Canh vớt được một cái thắt lưng bằng mây, đeo vào thời chuyện sinh lý rất mạnh. Mẹ của Trâu Canh giấu thắt lưng này trên gác bếp. Gặp lúc Hoàng đế bị bệnh yếu sinh lý, mẹ của Trâu Canh sai đem thắt lưng vào cung hiến, nhờ thế thành ngự y, đường công danh rộng mở. Trong *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書 cũng có ghi về việc Trâu Canh chữa yếu sinh lý cho Hoàng đế, rồi trở thành ngự y, song lại nói Trâu Canh là con một thầy thuốc người Mông Cổ, kê cho Hoàng đế Dụ tông hai bài thuốc lạ. Nhưng trong các truyện ký truyền kỳ, tất thảy đều nhấn mạnh, thắt lưng dây mây được giấu trên gác bếp. Dây mây (đăng) vốn tượng trưng cho sức mạnh sinh thực, cho thấy, tín ngưỡng thờ Táo và tín ngưỡng sinh thực và tín ngưỡng tổ tiên có mối quan hệ mật thiết.

Một truyện nữa là *Đinh Tiên hoàng ký* 丁先皇記, được thấy trong các sách *Việt tuyển giai đàm tiền biên* 越雋佳談前編, *Lịch đại danh thần sự trạng* 歷代名臣事狀, *Nam thiên trân dị tập* 南天珍異集, *Hát Đông thư dị* 喝東書異. Truyền thuyết này kể về sự phát tích của vua người sáng lập ra Triều Đinh - Tiên hoàng Đinh Bộ Lĩnh. Triều Đinh được các sử gia Việt Nam và các học giả Trung Quốc đương đại coi là bắt đầu thời kỳ độc lập tự chủ của Việt Nam. Khoảng giữa thế kỷ XX, các học giả nghiên cứu văn nghệ dân gian ba nước Nhật, Trung, Hàn từng có nhiều thảo luận về câu chuyện này¹, cho rằng nó thuộc motip truyện *Lão thát trĩ* 老獼稚, lưu truyền rất rộng rãi ở Việt Nam, Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên. Ở Việt Nam, nhân vật chính của truyện là Đinh Bộ Lĩnh, ở Trung Quốc chủ yếu là Triệu Khuông Dẫn, hoặc Chu Nguyên Chương, ở vùng Đông Bắc Trung Quốc và vùng bán đảo Triều Tiên, nhân vật chính là Nô Nhĩ Cáp Xích. Học giả Trung Quốc nổi tiếng Chung Kính Văn cho rằng, kết cấu của truyện là sự kết hợp giữa “dị loại hôn” (hôn nhân khác loài) và “thiên-từ địa” (nơi đất phát tích thiên tử)², tình tiết câu chuyện gồm những ý sau: cha đẻ của nhân vật chính là một loại động vật thủy sinh thành tinh, thường là con rái cá, hoặc là rùa, ba ba, sau bị người ta đánh chết, mẹ của nhân vật chính trộm giấu xương cốt của nó. Nhân vật chính do mang huyết thống của cha mà bơi lội cực giỏi.

1. Xin xem *An Nam Hán hoá nghiên cứu: dĩ công nguyên thập thế kỷ sử thực dữ truyền thống vi trung tâm* 安南漢化研究：以公元十世紀史實與傳統為中心, Chu Húc Cường, luận văn tiến sĩ, Thượng Hải sư phạm đại học, 2005.

2. Chung Kính Văn, *Lão thát trĩ hình truyền thuyết chi phát sinh địa: tam cá phân bố ư Triều Tiên, Việt Nam cập Trung Quốc đích đồng hình truyền thuyết đích phát sinh địa vực thí đoán* 老獼稚型傳說之發生地：三個分佈於朝鮮、越南及中國的同型傳說的發生地域試斷, in *trong Chung Kính Văn dân gian văn học luận tập*, Thượng Hải văn nghệ xuất bản xã, 1985

Sau có một thầy địa lý đi tìm long mạch, phát hiện ra chỗ huyết phát mệnh thiên tử, nhưng huyết ấy nằm giữa một đầm sâu, thầy địa lý không thể tự mình xuống nước chôn xương cha vào nơi ấy, bèn thuê nhân vật chính làm giúp. Nào ngờ nhân vật chính trộm đổi xương cha mình vào. Sau quả nhiên nhân vật chính hoặc con cháu của nhân vật chính đoạt được thiên hạ làm hoàng đế.

Theo nghiên cứu của người viết, truyền thuyết này có lẽ phát nguyên từ khu vực người Kinh ở vùng biên giới Trung Việt và miền Bắc Việt Nam ngày nay¹, căn cứ chính dựa vào tập tục chôn hai lần² phổ biến ở các vùng dân tộc Kinh, Đồng (僮) vùng phía Nam Trung Quốc. (Liên quan đến nội dung này đã có bài viết riêng, ở đây xin không lặp lại.) Trong câu truyện này có một chi tiết không thể coi nhẹ, có thể coi là chứng cứ cho việc chôn cất hai lần, đó là trong *Công dư tiếp ký* 公餘捷記 và các văn bản khác của người Kinh, người mẹ của nhân vật chính đem xương của thủy quái bọc lại, giấu trên gác bếp, nhiều năm sau, giao cho nhân vật chính đem đi táng vào linh huyết. Ở Trung Quốc cũng từng có một câu truyện dân gian liên quan đến tín ngưỡng táo quân, đề cập đến việc chôn chồng gác bếp, truyện kể rằng có một người nữ đem xác chồng chôn dưới bếp, sau này gả cho người giàu có, đem linh vị của chồng [trước] đặt ở vách bếp để cúng, lại đổi là cúng thần Bếp, lâu dần thành tục³. Chuyện chôn chồng ở bếp và câu chuyện trước đó có chỗ tương thông, đều phản ánh tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên kết hợp với tín ngưỡng thờ cúng Táo Quân, cũng là hình thái tương đối nguyên sơ của tín ngưỡng Táo Quân, thường thấy ở các dân tộc phía Nam Trung Hoa, như Di, Nạp Tây, Khương, Phô mẽ, Bố lãng, và người Mường ở Việt Nam⁴. Một điểm đáng chú ý nữa là, trong các dân tộc ấy, tiếng Di, Nạp Tây thuộc họ Tạng Miến, ngành Di, tiếng Khương, Phô mẽ thuộc họ Tạng Miến, ngành Khương, Bố lãng và Mường thuộc họ Nam Á, ngành Mon-Khmer, còn tiếng Kinh thuộc họ ngôn ngữ nào thì có nhiều thuyết khác nhau, người viết cho rằng thuộc họ Nam Á.

-
1. Xin xem *Lão thất trĩ hình truyền thuyết dịch Việt Nam văn bản nghiên cứu* 老獠稚型傳說的越南文本研究, Chu Húc Cường, T/c *Dân tộc nghiên cứu*, số 3 năm 2005
 2. Dịch chú: Tập tục chôn hai lần: Người Việt (và một số dân tộc khác) có tập tục cải táng. Thường là sau khi chôn (lần đầu) 3 năm, thì cải táng, thu lấy xương cốt, bỏ vào quách sành rồi chôn lại một lần nữa.
 3. Ngu Dân, *Táo thần dịch cổ sự* 灶神的故事”, Tạp chí *Dân tộc*, số ghép 53-55, 1929, tr.131
 4. *Táo dữ Táo thần* 灶與灶神 Dương Phúc Tuyên, Học Uyển xuất bản xã, 1994, tr.101-102.

2. Thư tịch Hán Nôm Việt Nam có đề cập đến Táo Quân

Trước đây, lối nghiên cứu của người viết là tìm chứng cứ từ ba nguồn, các tài liệu nhân học, các di văn thời trước và bằng chứng vật chất tìm được dưới lòng đất, ba nguồn cứ liệu ẩn chứng lẫn nhau. Thực ra, xét từ phương diện khác, các di văn đời trước cũng có thể ẩn chứng với các hiện tượng phong tục khám phá được khi khảo sát điền dã. Nay khảo sát kỹ lưỡng hơn vạn thư tịch Hán Nôm¹, tìm được hơn 20 loại sách vở, trong đó có ghi chép các phong tục truyền thống của người Kinh về các lễ tiết thờ cúng liên quan đến Táo Quân. Những sách này phản ánh rõ nét hơn, trực tiếp hơn về tín ngưỡng Táo Quân của người Việt

Đầu tiên xin kể cuốn *An Nam phong tục sách* 安南風俗冊 của Đoàn Triển (1854-1919), phần mở đầu viết như sau:

“一曰節日。臘月二十三日，為灶君朝天節。三十日為除夕節。...

...

“Nhất viết tiết nhật. Lạp nguyệt nhị thập tam nhật, vi Táo Quân triều thiên tiết. Tam thập nhật vi trừ tịch tiết...”

Dịch: Trước hết là nói về các ngày Tết. Ngày hai mươi ba tháng chạp, là Tết Táo Quân về trời. Ngày ba mươi là Tết Trừ tịch...

“二曰修飾。臘月中旬，.....男女盛服行市，買冥金、冥衣為奉先物，冥衣帽為送灶物，紙砲畫紙、紙花香燭、及應需物項，為賞節物。.....近除夕，備美酒省掃先墳，曰扫墓；棄舊灶于淨處，易以新灶。.....

“Nhị viết tu sức. Lạp nguyệt trung tuần... nam nữ thịnh phục hành thị, mĩ minh kim, minh y vi phụng tiên vật, minh y mảo vi tống táo vật, chi pháo hoạ chi, chi hoa hương chúc, cập ứng nhu vật hạng, vi thường tiết vật... cận trừ tịch, bị phù tửu tinh táo tiên phần, viết táo mộ, khí cụ táo u tinh xứ, dịch dĩ tân táo...”

Dịch: Thứ hai là sự trang hoàng. Vào khoảng trung tuần tháng chạp,... trai gái ăn mặc đẹp để đi phố, mua vàng mã, áo giấy để làm đồ cúng, mua áo

1. Từ năm 2000, người viết có tham gia vào việc biên soạn *Việt Nam Hán Nôm văn hiến mục lục đề yếu* 越南漢喃文獻目錄提要 (Vương Tiểu Thuần, Lưu Xuân Căn, Trần Nghĩa chủ biên, Đài Loan trung ương nghiên cứu viện Văn Triết sở, 2002), những sách và các truyền bản, tóm tắt ý chính dẫn theo dưới đây đều tham khảo từ sách này.

giấy và mũ để cúng Táo, pháo giấy, tranh vẽ, hoa giấy, hương nến, và các đồ dùng cần khác, để thưng lăm trong dịp Tết... Gần đến Trừ tịch, chuẩn bị phũ tũ quét dọn tiên phần, gọi là quét mộ, bỏ Táo cũ vào tịnh xứ, đổi Táo mới...”

“三曰禮品。送灶禮多用鯉魚一尾，曰灶君馬；奉先多用甘蔗全株，曰先人杖。……”

“Tam viết lễ phẩm, tống Táo lễ đa dụng lí ngư nhất vĩ, viết táo quân mã, phụng tiên đa dụng cam giá toàn chu, viết tiên nhân trượng...”

Dịch: Thứ ba là lễ phẩm. Lễ tiễn ông Táo thường có một con cá chép, gọi là ngựa Táo Quân. Cúng tổ tiên thường để mía nguyên cây, gọi là tiên nhân trượng.

“四曰禮拜。二十三日送灶，三十日迎灶。交承祀新舊事年行謹之神，曰送舊迎新。……初四日，將冥金火化，禮成，并拜門神、灶神，倣五祀禮也。”

Tứ viết lễ bái. Nhị thập tam nhật tống Táo, tam thập nhật nghênh táo. Giao thừa tự tân cựu niên sự niên hành khiển chi thần, viết tống cựu nghênh tân... Sơ tứ nhật, tương minh kim hoá hoá, lễ thành, tịnh bái môn thần, Táo Quân, phòng ngũ tự lễ dã

Dịch: Thứ tư là lễ bái. Ngày hăm ba tiễn ông Táo, ngày ba mươi nghênh ông Táo về. Giao thừa thì cúng thần hành khiển năm cũ năm mới, gọi là tống cựu nghênh tân... Ngày mồng bốn, đem vàng mã ra hoá, lễ như vậy là xong, vái môn thần, Táo Quân, phòng theo ngũ tự lễ vậy.

Đoạn tài liệu này còn tiết lộ những thông tin khá thú vị sau, người Kinh coi ngày “Ông Táo về trời” là một ngày Tết, coi là Tết đầu tiên của năm, là sự mở đầu cho tất cả những nghi thức phức tạp của Tết Năm mới¹. Trong đó lại đề cập đến tập tục thay lửa², và việc hợp nhất Táo Quân với Môn thần vân vân thành ngũ tự (năm vị thần canh nhà)³. Thực ra không chỉ

1. Xem, Quá Vĩ, *Việt Nam truyền thuyết cổ sự dữ dân tục phong tình* 越南傳說故事與民俗風情, tr.244.

2. Nhiều nền văn minh đều có tục “thay lửa”, xem Cừ Tích Quế: Hàn thực dữ cải hoá: Giới Tử Thôi phần tử truyền thuyết nghiên cứu 寒食與改火: 介子推焚死傳說研究, in trong *Cổ đại văn sử nghiên cứu tân thám*, Giang Tô cổ tịch xuất bản xã, 1992, tr. 524-550.

3. Dịch chú: Ngũ tự 五祀: 5 vị thần trông coi về nhà cửa, gồm: Môn thần 門神, Hộ thần 戶神, Tinh thần 井神, Táo thần 灶神 và Trung Lưu 中溜.

là năm vị thần, mà phải là bảy vị thần. Bảy vị là nhiều thêm Thái Lịch và Tư Mệnh hai vị. Thái Lịch là quý thần của các bậc đế vương vô hậu (không có con nối dõi), không liên quan gì đến gia tộc hay việc nối dòng hương hoá, còn Táo Quân thực chất có xu hướng tổng hợp cả Trung Lưu, Tư Mệnh, Môn thần, Hộ thần.¹ Người Kinh gọi Táo Quân là “Thổ Công”, thực chất đóng vai trò của Trung Lưu, là “Đệ nhất Gia chi chủ”, thực chất đảm nhiệm chức năng của Hộ thần.

Một số thư tịch liên quan đến tín ngưỡng thờ cúng Táo Quân, xin được giới thiệu tóm tắt như sau:

Thổ thần khảo chính tăng bổ 土神考正增補, 3 cuốn, Phạm Xuân Lộc soạn vào năm Khải Định thứ 8 (1923), sách này vốn là sách trong thư viện của học giả người Pháp Paul Demiéville, nay được lưu trữ trong Thư viện Hiệp hội châu Á Paris (Pháp), ký hiệu số PD.2381. Sách giới thiệu nghi thức cúng tế thổ thần, thổ thần ở đây bao gồm ba vị thổ công, thổ địa, thổ chi, lại nói thổ thần ở núi là sơn thần, ở chùa thì gọi là long thần, ở nhà thì gọi là thổ công vân vân. Táo Quân được gọi là thổ công, tương tự như tín ngưỡng Hậu Thổ.

Nhân quả ngọc lịch sao truyền 因果玉歷抄傳 là một tập văn giáng bút, nay lưu trữ trong Thư viện Viện Hán Nôm, ký hiệu sách AC.531. Sách xuất bản năm Thành Thái 12 (1900), Hà Nội Tam thánh miếu in. Nội dung mượn lời “giáng bút” của các thần Lã Động Tân và Công chúa Liễu Hạnh để bàn về các sự cúng Táo Quân.

Ngoài ra trong số các sách được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, còn có *Lễ văn* 禮文 (VHv.769), *Tế văn - Diện mục* 祭文・面相 (VHv.735), *Hoá kê thần chủ khoa cúng tế văn tạp lục* 化乩神咒科供祭文雜錄 (A.1347), *Tế văn sao tập* 祭文抄集 (A.2179) vân vân, ghi chép các văn cúng tế Táo Quân. Các sách *Cúng văn chư khoa lục* 供文諸科錄 (A.1673), *Giá thú sự bí ngữ* 嫁娶事秘語 (A.1688), *Thỉnh Phật thông sơ* 請佛通疏 (VHv.771), vân vân đều có ghi chép về sơ cúng Táo Quân. Các sách chép tay (sao bản) về địa lý (kham dư) như cuốn *Ngũ hành thủ dụng quyế t* 五行取用訣 (VHb.90) có chép bài văn cúng thỉnh Táo vương nhập gia. Sách *Chính tông nội đạo giáo truyền* 正宗內道教傳 (A.2309) cũng ghi chép các nghi thức tạ Thổ công.

1. Trung Lưu 中溜 tức là thần Hậu Thổ 后土. diễn biến thành trạch thần 宅神 (thần trông coi về nhà cửa).

Ngoài ra còn có một số thư tịch chữ Hán có khả năng là của các dân tộc anh em chịu ảnh hưởng từ người Kinh, hoặc giả của người Kinh, bao gồm những sách như *An tạ Táo Quân* 安謝灶君 (ST.5999), *Phật gia an táo khoa* 佛家安灶科 (ST.5835), *Tạ Táo khoa* 謝灶科 (ST.4288), *Táo Vương xướng* 灶王唱 (ST. 4699) vân vân, trong những sách này phần nhiều đề cập đến ảnh hưởng của Phật giáo tới tín ngưỡng thờ cúng Táo Quân.

Các thư tịch ghi chép về Táo Quân của người Kinh, cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các thư tịch về Táo Quân của người Hán. Cuốn san bản *Táo thần thiêm* 灶神籤, khắc lại 50 bài thiêm văn (tức là các đoạn văn viết trên thẻ tre, người coi bói xóc thẻ lấy được thẻ nào thì chiêm nghiệm từ những lời văn ấy) của Trình Ứng Tinh làm năm Đạo Quang thứ 6. Cuốn sách này nay còn hai truyền bản, một giữ ở Viện Hán Nôm (ký hiệu AC.90), là một quyển riêng, trong sách có chép hai bài tựa, một bài viết năm Quý Mão đời Đạo Quang (1843), một bài viết năm Bính Ngọ (1846). Một cuốn khác thì in phụ kèm sau cuốn *Kê chính Táo thần kinh văn* 乚正灶神經文.

Sách *Kê chính Táo thần kinh văn* 乚正灶神經文 được khắc ván in tại đền Ngọc Sơn năm Bính Ngọ đời Thành Thái (1906). Đền Ngọc Sơn nằm ngay ven hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội, ngày nay vẫn còn, là một trong những thắng cảnh nổi tiếng của Hà Nội. Vào thời cận đại, nơi này từng là địa điểm in ấn hàng chục loại sách về tín ngưỡng dân gian. Cuốn *Kê chính Táo thần kinh văn* 乚正灶神經文, theo chúng tôi được thấy, còn bốn cuốn in quyển riêng, trong kho sách của Demiéville có hai cuốn, ký hiệu PD.2360 và PD.2361, nay lưu trữ tại Paris, một cuốn ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AB.254, một cuốn nữa ở Thư viện Quốc gia Việt Nam, ký hiệu R.3949. Một loại khác, *Kê chính Táo thần kinh văn* 乚正灶神經文 in gộp với *Táo vương kinh* 灶王經, hiện có một cuốn lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AC. 556. Sách này vốn dĩ nằm trong các văn tập về chủ đề thờ cúng Táo Quân được xuất bản đời Đồng Trị nhà Thanh, nhưng đã được các nho sĩ Việt Nam cải biên và diễn ca. Diễn ca, là cách mà người Việt Nam xưa đem các sách văn xuôi chữ Hán dịch thành thể văn vần song thất lục bát. Nội dung chính của cuốn sách này bao gồm: *Kê huấn thủy mạt* 乚訓始末 ghi lại những lời giảng bút của Táo Quân, *Kính phụng Táo thần lục* 敬奉灶神錄 ghi chép những nghi thức cúng tế Táo Quân, *Táo thần cáo văn* 灶神誥文, *Táo thần kinh văn* 灶神經文, *Táo thần khuyến thiện văn* 灶神勸善文 (Lý Khôn Tân viết truyện, xuất bản năm Ất Mão, đời Gia Khánh (1819)), *Tăng lục Táo thần giảng khuyến phụ nữ tỉnh thế tâm kinh tứ phẩm* 增錄灶神降勸婦女醒世心經四品, *Táo thần linh thiêm ngũ thập quái* 灶神靈籤五十卦

(xuất bản năm Bính Tuất, đời Quang Tự (1886), và *Kính Táo linh nghiệm ký* 敬灶靈驗記 gồm bốn truyện. Trong số này, các bài viết *Kính Táo lục* 敬灶錄, *Táo thần kinh văn* 灶神經文 và *Táo thần khuyến thiện văn* 灶神勸善文 có hình thức diễn ca bằng thể lục bát, phụ kèm ở sau sách. Ở đầu sách, có một bài tựa, nói là của Tử Đồng chân quân 梓潼真君, nội dung dùng lời nói của thần tiên, kể về quá trình lưu truyền của cuốn sách, đại khái như sau: có Bùi Huy Đoàn căn cứ vào “Đường bản” 唐本 để in, sau được Lê Thành in thêm lần nữa, sau lại được Trần Trọng Hàng lược lại nội dung, do Trần Văn Tăng dịch nôm, in lại lần nữa vào năm Thành Thái thứ 18, tức năm 1906. Trong *Kính phụng Táo thần lục* 敬奉灶神錄, có đề cập đến Táo Quân họ Trương 張, tên huý một chữ là Quách 郭, thuyết này rất khác với câu chuyện Táo quân gồm hai nam một nữ mà phần trước của bài viết đã đề cập tới.

Một số sách về Táo Quân của Trung Quốc, như *Táo vương kinh* 灶王經, còn gọi là *Táo Vương chân kinh* 灶王真經, cũng được người Việt khắc in lại nhiều lần. Có các bản in sau: bản in năm Tự Đức thứ 34 (1881), in theo bản Đồng Khánh (1871), bản in năm Thành Thái thứ 7 (1895), bản in do Đền Ngọc Sơn chủ trì in lại từ bản Tự Đức (nay được thấy một bản ký hiệu AC.63), lại in lần nữa năm Thành Thái thứ 18 (1906), nay được thấy in gộp với *Kê chính Táo thần kinh văn* 乚正灶神經文 (ký hiệu AC.556), bản in của Bảo Thiện Đàn in năm Mậu Thìn đời Bảo Đại (1928), in lại từ bản Đền Ngọc Sơn, được thấy 1 cuốn ký hiệu VHv.2833.

Ngày nay tuy chỉ nhìn thấy những bản in thời cận đại, song có thể khẳng định là, sách này đã truyền vào Việt Nam từ rất sớm. Bằng chứng là, từ đầu thế kỷ XIX, cuốn sách đã được Nguyễn Viết Giản diễn nôm sang thể lục bát, nhan đề là *Kính phụng Táo thần diễn ca* 敬奉灶神演歌 hoặc *Kính phụng Táo thần lục* 敬奉灶神錄. Bản dịch này còn các bản in sau: bản in năm Đinh Sửu đời Gia Long (1817) do Như Nguyệt Đường ấn hành, bản Như Nguyệt Đường có hai loại, một loại in riêng, ký hiệu AB.469, một loại in gộp với *Táo thần thiêm* 灶神籤, ký hiệu AC.89; một bản in năm Hàm Nghi nguyên niên (1885) do Hường Thiện hội ấn hành, còn một bản in riêng ký hiệu AN.114, và một bản chép tay tàn khuyết, ký hiệu AN.114bis. Ở đầu sách có lời tựa của Bùi Huy Đoàn, viết năm Gia Long thứ 16 (1817). Lời tựa của Bùi tiên sinh còn được in trong cuốn *Táo vương kinh* 灶王經 do An Nam in lại.

Ngoài ra còn có *Thổ địa Táo vương kinh* 土地灶王經, do Đền Ngọc Sơn ấn hành năm Bảo Đại thứ 5 (1940). Nay còn 2 cuốn, một cuốn lưu trữ ở

Viện Nghiên cứu Hán Nôm (ký hiệu VHv.1083), một cuốn lưu trữ ở Thư viện Quốc gia Việt Nam (ký hiệu R.3950), trên bìa có dòng chữ viết tay đề *Táo Vương thổ địa diễn âm* 灶王土地演音, sách có cả chữ Hán và chữ Quốc ngữ, trong sách có thu thập một số câu thần chú, và các nội dung *Thổ địa chân kinh* 土地真經, *Táo vương chân kinh* 灶王真經 và *Tâm kinh* 心經, cuốn sách này như một dấu mốc ghi dấu sự tiếp nối ý thức dân tộc của người Kinh giữa cận đại và truyền thống. Trong sách, sau phần *Táo vương chân kinh* 灶王真經 có phụ một đoạn kê văn và một đoạn giảng bút, niên đại là năm Nhâm Dần niên hiệu Thành Thái (1902), như sau:

昔在昆仑之山，有老妪独处其中，莫知其由。天尊曰：惟前老妪，是名种火之母，上通天界，下统五行，达乎神明，关乎二气。在天则为天帝，在人则为司命，又为北斗七元使者，主人寿命长短，富贵贫贱，掌人职禄，管人住宅。每月晦日，注人善恶，录其轻重，夜半奏上天曹，定其簿书，悉是此母也。

敢闻斯言，幸垂教示，是以合家竭诚，皈神皈命，各恭敬天地，临位司命灶君。

“Tích tại Côn Lôn chi sơn, hữu lão ấu độc xử kỳ trung, mạc tri kỳ do. Thiên Tôn viết: Duy tiên lão ấu, thị danh chủng hoả chi mẫu, thượng thông thiên giới, hạ thống ngũ hành, đạt hồ thần minh, quan hồ nhị khí. Tại thiên tắc vi Thiên Đế, tại nhân tắc vi Tư Mệnh, hựu vi Bắc Đẩu thất nguyên sứ giả, chủ nhân thọ mệnh trường đoản, phú quý bản tiện, chương nhân chức lộc, quản nhân trú trạch. Mỗi nguyệt hồi nhật, chú nhân thiện ác, lục kỳ khinh trọng, dạ bán tấu thượng Thiên Tào, định kỳ bạc thư, tất thị thử mẫu dã.

Cảm văn tư ngôn, hạnh thủy giáo thị, thị dĩ hợp gia yết thành, quy thân quy mệnh, các cung kính Thiên Địa, lâm vị Tư Mệnh Táo Quân”.

Dịch là:

“Xưa trên núi Côn Lôn, có bà già sống một mình trên ấy, không rõ lý do. Thiên Tôn nói rằng: bà già ấy là mẹ của lửa, trên thông với thiên giới, dưới thống quản ngũ hành, đạt ở chỗ thần minh, quan ở nơi nhị khí. Trên trời thì là Thiên Đế, ở nhân gian thì làm Tư Mệnh, lại là sứ giả của Bắc Đẩu thất nguyên, cai quản sự dài ngắn của tuổi thọ người ta, sự phú quý hay bản tiện của người ta, cầm nắm chức tước bổng lộc của người ta, quản lý nơi ăn chốn ở của người ta. Cứ lúc mặt trăng lên mặt trời lặn, thì ghi sự thiện ác của người ta, ghi sự hậu bạc của người ta, để nửa đêm tấu lên Thiên Tào, chép rõ trong sổ sách, tất là bà già ấy vậy.

Xin nghe những lời này, may được bề trên ban sự dạy dỗ, nay lấy sự thành kính của cả nhà, quy theo thần quy theo mệnh, cung kính Thiên Địa, lâm vị Tư Mệnh Táo Quân”.

Từ đoạn trên đây có thể thấu tỏ nhận định mà chúng tôi đã nêu trên kia: Tín ngưỡng thờ Táo Quân ở Việt Nam vốn gốc từ tín ngưỡng thờ Lửa, Táo Quân từng được coi là Thiên Đế.

Trong những nghiên cứu về văn hoá Việt Nam trước đây, thường có hai lối quan sát rất phiến diện: hoặc là cho rằng các yếu tố văn hoá của Việt Nam đều có nguồn gốc từ phương Bắc; hoặc cường điệu nguồn gốc của các yếu tố văn hoá ấy có sự khác biệt về chất với văn hoá Hán, tư tưởng như thế nảy sinh dưới ý thức tự giác dân tộc. Nhưng cả hai lối quan sát trên đều đã bỏ qua vai trò của sự truyền bá – lan toả của văn hoá. Mặc dù hai xu hướng nghiên cứu trước kia đều có thể phát lộ được một phần sự thực, nhưng cũng có những sai lầm.

Nếu xuất phát từ những tài liệu thư tịch mà trong bài viết này chúng tôi đã giới thiệu, thì có thể nhận định, văn hoá thờ cúng Táo Quân của người Kinh, ít ra cũng đã trải qua một quá trình biến đổi tương đối phức tạp trong lịch sử. Những mối liên hệ chặt chẽ giữa văn hoá Táo Quân của người Việt với văn hoá Hán, sự lưu giữ và biến đổi của truyền thống cổ hữu..., chỉ thấy được khi đã khảo chứng tỉ mỉ, cụ thể về thư tịch và các văn bản cụ thể. Nói rộng ra, khi chúng ta khảo sát các yếu tố văn hoá khác, phương pháp này sẽ càng cấp tính khả thi khi thực hiện và tính hợp lý trong quan niệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Trần Lục, *Táo 灶*, T/c Trung Hoà nguyệt khán, số 2 năm 1940.
2. Dương Khôn, *Táo thần khảo 灶神考*, T/c Hán học, số 1 năm 1944.
3. Đường Mẫn, *Táo Quân tư mệnh khảo 灶君司命考*, in trong *Thần thoại, Tiên thoại, Phật thoại 神話・仙話・佛話*, Nhà xuất bản Nhân dân Hà Bắc [Trung Quốc], 1996.
4. Quá Vĩ, Vi Kiên Bình, *Kinh tộc dân gian tín ngưỡng dữ thần phả sơ lục 京族民間信仰与神譜初錄*, T/c Học báo Đại học Quảng Tây, số 1 năm 1992.

5. Từ Phương Vũ, *Hán tộc, Việt tộc dân gian Táo Quân tín ngưỡng chi ti giao nghiên cứu* 漢族、越族民間灶神信仰之比較研究, T/c Đông Nam Á nghiên cứu, số 3 năm 2006.
6. *Kê chính Táo thần kinh nghĩa* 灶正灶神經文, Hà Nội Ngọc Sơn từ Thành Thái Bình Ngô niên (1906), Thư viện Quốc gia Việt Nam, ký hiệu sách R.3949.
7. Đoàn Triển viết, Nguyễn Tô Lan chỉnh lý, *An Nam phong tục sách* 安南風俗冊, H. Nhà xuất bản Hà Nội, 2008.
8. Dương Phúc Tuyên, Trịnh Hiểu Vân, *Hoà Đường văn hoá lục* 火塘文化錄, Nhà xuất bản Nhân dân Văn Nam [Trung Quốc], 1991.
9. Dương Phúc Tuyên, *Táo dữ Táo thần* 灶與灶神, Nhà xuất bản Học Uyên [Trung Quốc], 1994
10. *Tuyển chọn truyện thần thoại dân gian Việt Nam*, H. Nhà xuất bản Thế giới.
11. Quách Vĩ, *Việt Nam truyền thuyết cổ sự dữ dân tục phong tình* 越南传说故事与民俗风情, Nhà xuất bản Nhân dân Quảng Tây [Trung Quốc], 1998.
12. Vương Tiểu Thuần, Lưu Xuân Ngân, Trần Nghĩa, *Việt Nam Hán Nôm thư tịch mục lục đề yếu* 越南漢喃文獻目錄提要, Đài Loan Trung ương nghiên cứu viện Văn Triết sở, 2002.
13. Đinh Nãi Thông, *Trung Quốc dân gian cổ sự loại hình sách dẫn* 中国民间故事类型索引, Nhà xuất bản Hoa Trung sư phạm đại học [Trung Quốc], 2008.
14. Trịnh Khắc Mạnh, *Việt Nam thiểu số dân tộc Hán Nôm thư tịch mục lục trích yếu* 越南少數民族漢喃文獻目錄提要, H. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2009.
15. Tôn Tôn, Trịnh Khắc Mạnh, Trần Ích Nguyên, Chu Húc Cường, *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tập thành* 越南漢文小說集成, Nhà xuất bản Thượng Hải cổ tịch, 2011.